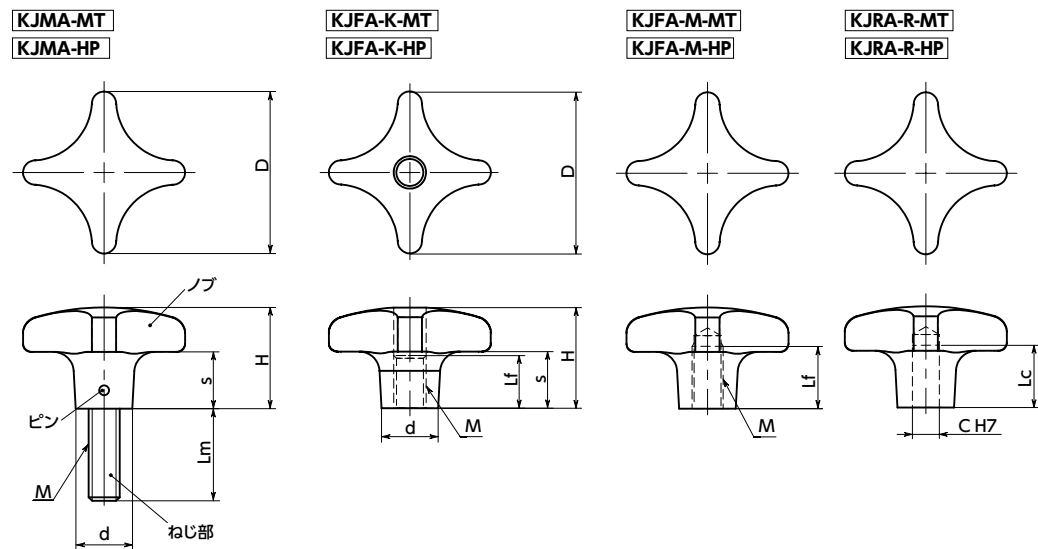




● 材質・仕上げ

	KJMA-MT	KJMA-HP	KJFA-K-MT / KJFA-M-MT / KJRA-R-MT	KJFA-K-HP / KJFA-M-HP / KJRA-R-HP
ノブ	アルミニウム合金 マット調仕上げ	アルミニウム合金 研磨	アルミニウム合金 マット調仕上げ	アルミニウム合金 研磨
ピン	SUS301	SUS301	—	—
ねじ部	SUS303	SUS303	—	—



KJMA-MT KJMA-HP おねじ

単位: mm

品番  マット調仕上げ	品番  研磨	D	M(並目) ねじの呼び	ピッチ	Lm	H	s	d	質量 (g)
KJMA-40-M8-20-MT	KJMA-40-M8-20-HP	40	M8	1.25	20	25	13	14	34
KJMA-40-M8-25-MT	KJMA-40-M8-25-HP	40	M8	1.25	25	25	13	14	36
KJMA-40-M8-30-MT	KJMA-40-M8-30-HP	40	M8	1.25	30	25	13	14	38
KJMA-40-M8-40-MT	KJMA-40-M8-40-HP	40	M8	1.25	40	25	13	14	41
KJMA-50-M10-20-MT	KJMA-50-M10-20-HP	50	M10	1.5	20	32	18	18	63
KJMA-50-M10-25-MT	KJMA-50-M10-25-HP	50	M10	1.5	25	32	18	18	65
KJMA-50-M10-30-MT	KJMA-50-M10-30-HP	50	M10	1.5	30	32	18	18	68
KJMA-50-M10-45-MT	KJMA-50-M10-45-HP	50	M10	1.5	45	32	18	18	75
KJMA-50-M10-55-MT	KJMA-50-M10-55-HP	50	M10	1.5	55	32	18	18	79
KJMA-63-M12-30-MT	KJMA-63-M12-30-HP	63	M12	1.75	30	40	23	20	104
KJMA-63-M12-40-MT	KJMA-63-M12-40-HP	63	M12	1.75	40	40	23	20	111
KJMA-63-M12-50-MT	KJMA-63-M12-50-HP	63	M12	1.75	50	40	23	20	118

KJFA-K-MT KJFA-K-HP めねじ・貫通穴

単位: mm

品番  マット調仕上げ	品番  研磨	D	M(並目) ねじの呼び	ピッチ	Lf	H	s	d	質量 (g)
KJFA-20-K4-MT	KJFA-20-K4-HP	20	M4	0.7	7	13	7	8	3
KJFA-25-K5-MT	KJFA-25-K5-HP	25	M5	0.8	8	16	9	10	6
KJFA-32-K6-MT	KJFA-32-K6-HP	32	M6	1	10	20	9	12	12
KJFA-40-K8-MT	KJFA-40-K8-HP	40	M8	1.25	13	25	13	14	22
KJFA-50-K10-MT	KJFA-50-K10-HP	50	M10	1.5	16	32	18	18	41
KJFA-63-K12-MT	KJFA-63-K12-HP	63	M12	1.75	20	40	23	20	68
KJFA-80-K16-MT	KJFA-80-K16-HP	80	M16	2	20	50	28	25	136

 クリーン洗浄・クリーン梱包	 ねじ組み合わせ	 ねじカット	 ゆるみ止め	 レーザ刻印
お問い合わせください	めねじのみ対応可・別料金	おねじのみ対応可・別料金	おねじのみ対応可・別料金	対応可・別料金



- 力のかかりやすい形状です。
- ノブは軽量のアルミニウム合金製。
- おねじ・めねじ・リーマ穴タイプを標準化。
めねじタイプは貫通穴も選択できます。
- おねじタイプのねじ部はステンレス製。
- 表面処理はマット調仕上げと研磨の2種類。

- 商品記号により、タイプおよび表面処理が選択できます。

商品記号	タイプ	表面処理
KJMA-MT	おねじ	マット調仕上げ
KJMA-HP	おねじ	研磨
KJFA-K-MT	めねじ・貫通穴	マット調仕上げ
KJFA-K-HP	めねじ・貫通穴	研磨
KJFA-M-MT	めねじ	マット調仕上げ
KJFA-M-HP	めねじ	研磨
KJRA-R-MT	リーマ穴	マット調仕上げ
KJRA-R-HP	リーマ穴	研磨

KJFA-M-MT KJFA-M-HP めねじ

単位: mm

品番  マット調仕上げ	品番  研磨	D	M(並目) ねじの呼び	ピッチ	Lf min.	H	s	d	質量 (g)
KJFA-20-M4-MT	KJFA-20-M4-HP	20	M4	0.7	8	13	7	8	3
KJFA-25-M5-MT	KJFA-25-M5-HP	25	M5	0.8	10	16	9	10	6
KJFA-32-M6-MT	KJFA-32-M6-HP	32	M6	1	12	20	9	12	12
KJFA-40-M8-MT	KJFA-40-M8-HP	40	M8	1.25	15	25	13	14	23
KJFA-50-M10-MT	KJFA-50-M10-HP	50	M10	1.5	18	32	18	18	44
KJFA-63-M12-MT	KJFA-63-M12-HP	63	M12	1.75	22	40	23	20	73
KJFA-80-M16-MT	KJFA-80-M16-HP	80	M16	2	28	50	28	25	146

KJRA-R-MT KJRA-R-HP リーマ穴

単位: mm

品番  マット調仕上げ	品番  研磨	D	C	Lc min.	H	s	d	質量 (g)
KJRA-32-R6-MT	KJRA-32-R6-HP	32	6	12	20	9	12	12
KJRA-40-R8-MT	KJRA-40-R8-HP	40	8	15	25	13	14	23
KJRA-50-R10-MT	KJRA-50-R10-HP	50	10	18	32	18	18	44
KJRA-63-R12-MT	KJRA-63-R12-HP	63	12	22	40	23	20	73
KJRA-80-R16-MT	KJRA-80-R16-HP	80	16	28	50	28	25	146

- 品番指定 ※価格・納期はNBKウェブサイトをご覧ください。

KJFA-40-M8-MT

